

Bản án số: **150/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 31/12/2019

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan

2. Bà Võ Thị Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa

Ngày 31 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 548/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy L (Q), sinh năm 1984

Địa chỉ: khóm TK 1, phường H, thành phố X, tỉnh G. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thành Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ: khóm TK 1, phường H, thành phố X, tỉnh G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Huỳnh Thành Tr tự quen biết, tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2005. Hôn nhân có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường MH, vào ngày 13/12/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr thường xuyên kiểm chuyện, khi nhậu say về có

hành vi vũ phu với vợ, không lo làm ăn nuôi vợ con. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được. Do mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thành Tr.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 14/6/2002 và Huỳnh Thị Thủy T, sinh ngày 05/9/2006. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

+ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Phần trình bày của bị đơn anh Huỳnh Thành Tr: Vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày*

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Thùy L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Huỳnh Thành Tr được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh Thành Tr mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng anh Tr vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Chị Phạm Thị Thùy L khởi kiện xin ly hôn với anh Huỳnh Thành Tr đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến trình bày tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thùy L có ý kiến trình bày chị và anh Huỳnh Thành Tr tự nguyện tìm hiểu sau một thời gian thì đi đến hôn nhân và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường MH, vào ngày 13/12/2005. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh Tr thường xuyên kiểm chuyện, khi nhậu say về thường bạo hành đối với chị và anh Tr không lo làm ăn để chăm sóc gia đình. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Huỳnh Thành Tr được tổng đạt các văn bản nhưng anh Tr không đến Tòa án cũng như không có ý kiến đối với việc chị L xin ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, **trong cuộc sống hôn nhân**

phải trên cơ sở tự nguyện chị L không đồng ý tiếp tục chung sống với anh Tr, còn anh Tr không có ý kiến trình bày, hôn nhân giữa chị L với anh Tr không còn tồn tại trên thực tế từ đầu năm 2019 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thủy L và anh Huỳnh Thành Tr.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị L trình bày và cung cấp giấy khai sinh thể hiện giữa chị và anh Tr chung sống với nhau có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 14/6/2002 và Huỳnh Thị Thủy T, sinh ngày 05/9/2006. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu M và cháu T chưa thành niên và đang được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu đã ổn định. Vì vậy, nhằm ổn định cuộc sống của cháu M và cháu T không bị ảnh hưởng tâm sinh lý của việc cha, mẹ ly hôn nên chị L yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là chính đáng và anh Tr không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị L nên yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị L là phù hợp với nguyện vọng của cháu M và cháu T mong muốn sống cùng với mẹ nên yêu cầu của chị L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp thuận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh Tr không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên chị L xác định không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh Tr vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thùy L đối với anh Huỳnh Thành Tr

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy L với anh Huỳnh Thành Tr.

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Huỳnh Thị Kiều M, sinh ngày 14/6/2002 và cháu Huỳnh Thị Thủy T, sinh ngày 05/9/2006 cho chị Phạm Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Huỳnh Thành Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phạm Thị Thùy L không có yêu cầu

2.3. Chị L phải tạo điều kiện cho anh Tr trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí sơ thẩm*:

4.1. Chị Phạm Thị Thùy L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005049 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 16/8/2019. Chị L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Huỳnh Thành Tr không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Chị Phạm Thị Thùy L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND phường MH;
- Lưu: hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy

